

Số: 05/TT-CKDK

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thay thế Quy chế quản trị nội bộ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông – Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của PSI được xây dựng trên cơ sở Luật doanh nghiệp 2005 và Quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 về quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Thời điểm hiện tại, các văn bản trên đã hết hiệu lực và được thay thế bởi: Luật doanh nghiệp 2014 và Nghị định 71/2017/NĐ-CP của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng ngày 06/06/2017 (“Nghị định 71”) và Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 (“Thông tư 95”). Qua nghiên cứu, rà soát, Hội đồng quản trị PSI xây dựng Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ trên mẫu tham chiếu của Thông tư 95 và đảm bảo phù hợp với các quy định tại Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 71 và Điều lệ PSI.

Dự thảo Quy chế gồm 9 chương và 43 điều, bao gồm các nội dung:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
4. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
5. Thành lập và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ;
6. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
7. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc;
8. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc;
9. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn



DỰ THẢO – QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Rem the Tờ trình số 05 /TT-CKDK ngày 31 tháng 3 năm 2020)

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19-12-2006. Bản Quy chế nội bộ về quản trị này được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày-....-.... và được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26-11-2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29-06-2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24-11-2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày.....-....-....

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, và cán bộ quản lý của PSI.
2. Quy chế này là một trong các căn cứ để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của PSI.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan đến cổ đông;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc cán bộ quản lý khác và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
3. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị nội bộ

- a) Tuân thủ những quy định hiện hành của pháp luật;
- b) Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;

- c) Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- d) Đảm bảo quyền lợi cho những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- e) Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- f) Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát quản lý và kiểm soát Công ty hiệu quả.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Quy chế này quy định khác, các thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
- b) “Điều khoản” là một Điều khoản của Quy chế này;
- c) “Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2008;
- d) “Ban Giám đốc” là Ban giám đốc của Công ty, gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- e) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
- f) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;
- g) “Người quản lý công ty” là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Giám đốc (Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, sau đây gọi là Giám đốc), Kế toán trưởng;
- h) “Cán bộ quản lý” là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác trong Công ty do Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- i) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
- j) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

2. Trong Quy chế này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Quy chế.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

- a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
- b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phân đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Điều 6. Cổ đông lớn

1. HĐQT xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn;
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của cổ đông lớn để gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác;
3. Cổ đông lớn của Công ty có nghĩa vụ thực hiện các quy định về báo cáo sở hữu đối với Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết theo quy định.

Điều 7. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông và danh sách cổ đông có quyền tham gia họp Đại hội đồng cổ đông

1. Công ty công bố thông tin cho Sở giao dịch và các cơ quan có liên quan Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một (01) lần và/hoặc họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
4. Cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức họp được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo UBCK và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo.
5. Các trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.
6. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ

thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

7. Tất cả cổ đông của Công ty đều có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác.

8. Hội đồng quản trị phải sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Quyền biểu quyết có thể được thực hiện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Đại diện được ủy quyền được phép hành động nhân danh cổ đông đưa ra các quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty không được ngăn cản cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có yêu cầu. Mọi cá nhân đều có thể là người đại diện, miễn là được ủy quyền hợp lệ và không thuộc trường hợp pháp luật có quy định hạn chế. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và không cần phải công chứng.

10. Hội đồng quản trị xây dựng Dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi kỳ họp và báo cáo Đại hội thông qua trước khi Đại hội bắt đầu chương trình nghị sự. Quy chế làm việc của Đại hội phải có đầy đủ thông tin quy định phương thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội, phương thức cổ đông trình bày ý kiến tại Đại hội, trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu, cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu....Đối với những vấn đề nhạy cảm nếu cổ đông yêu cầu, Hội đồng quản trị phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

11. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo Điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các tài vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong

trường hợp tài liệu không được kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Mẫu giấy ủy quyền trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác dự họp thay;
 - d) Phiếu biểu quyết;
 - e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung hướng dẫn về cách thức đăng ký họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Đăng ký và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn tại thông báo mời họp quy định tại Điều 8 Quy chế này/Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Trường hợp cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật mà không dự họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì việc ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần với số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- a) Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- b) Hoạt động, thù lao và chi phí của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- c) Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- d) Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc;
- e) Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý;
- f) Các kế hoạch dự kiến trong năm tới.

Điều 11. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu các nội dung sau:

- a) Hoạt động của Ban kiểm soát;
- b) Hoạt động, thù lao và chi phí của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;

- c) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- d) Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty;
- e) Kết quả giám sát đối với các thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc, và các cán bộ quản lý;
- f) Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và cổ đông.

Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Giám đốc chịu trách nhiệm chi đạo và hoàn tất Báo cáo đánh giá toàn diện về hoạt động của Công ty, báo cáo tối thiểu có các nội dung sau:

- a) Đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch và định hướng phát triển được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong kỳ;
- b) Định hướng và biện pháp triển khai trong thời gian tiếp theo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Điều 13. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

1. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Công ty đề cử nhận giấy tờ của Cổ đông/ người được ủy quyền tham dự Đại hội đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm ngày đăng ký cuối cùng;
2. Sau đó, phát các tài liệu: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết; và các tài liệu khác cho cổ đông.
3. Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.
4. Đại biểu đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi đại biểu đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

Điều 14. Thủ tục biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình dưới sự điều khiển của Chủ tọa.
2. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/ đại diện sở hữu và ủy quyền
3. Khi đến dự họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền

của cổ đông tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và được cấp một “Thẻ biểu quyết” và “Phiếu biểu quyết” do Công ty phát hành, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của người đại diện được ủy quyền, số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

4. Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.

5. Theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu Ban kiểm phiếu với số lượng không quá 03 (ba) người.

Điều 15. Cách thức bỏ phiếu

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban Kiểm soát (BKS) thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT/BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Căn cứ số lượng thành viên HĐQT/ thành viên Ban Kiểm soát được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 16. Cách thức kiểm phiếu

1. Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi bỏ phiếu và được kiểm tra với sự chứng kiến của cổ đông;

2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

3. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

4. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số phiếu biểu quyết thu về so với số phiếu biểu quyết phát ra của từng vấn đề.

5. Tập hợp và phân loại riêng phiếu biểu quyết của từng vấn đề theo việc biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thư ký cuộc họp ghi chép và lập thành biên bản họp với đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên website của Công ty và/hoặc gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.
4. Mọi ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi Biên bản được đăng trên website của Công ty và/hoặc được gửi cho các Cổ đông.

Điều 19. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 20. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Trình tự, thủ tục thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều Lệ.
2. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
3. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng.
4. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (05) công ty khác.
5. Không được từng là thành viên Hội đồng Quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:

- Nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, người quản lý và nhân viên của Công ty;
- Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
- Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;
- Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
- Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.

7. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại các văn bản pháp luật quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 22. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã được xác định trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và đôn phiếu bầu cho người họ đề cử.
4. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng Quản trị;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;
 - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên Hội đồng Quản trị;

- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên Hội đồng Quản trị;
- g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên Hội đồng Quản trị;
- h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên Hội đồng Quản trị.
- i) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 90% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên Hội đồng Quản trị.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

6. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị hoặc các cổ đông khác đề cử.

7. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 23. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng Quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ;
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Hội đồng Quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn xin từ chức;
- d) Có bằng chứng chứng tỏ thành viên Hội đồng Quản trị bị mất năng lực hành vi;
- e) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; Cổ đông là pháp nhân đề nghị thay thế người đại diện phần vốn góp của mình tại Công ty và người đại diện này đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Khi số lượng thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên nhiệm kỳ hiện thời.
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm

Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc.

2. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

3. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty

Điều 25. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng Quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên có mặt trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự nếu được đa số các thành viên còn lại đồng ý. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

Điều 26. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Trừ quy định tại khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

3. Theo quy định tại khoản 2 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

4. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 27. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Biên bản họp có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 28. Nghị quyết họp Hội đồng quản trị

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của chủ tọa.

Sau khi ban hành Nghị quyết, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định hiện hành về công bố thông tin.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên và người quản lý khác.

3. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người

quản lý của công ty chứng khoán khác.

4. Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.

5. Thành viên Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Điều 30. Đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác, việc đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

Điều 31. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

a) Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng minh người đó bị mất năng lực hành vi.

b) Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Các tiểu ban giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban sau:

a) Phòng Kiểm toán nội bộ

- b) Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính
- c) Hội đồng đầu tư
- d) Các hội đồng khác khi thấy cần thiết

2. Hội đồng quản trị ban hành chi tiết việc thành lập và hoạt động của từng tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của từng thành viên tiểu ban. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hay nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Trường hợp không thành lập tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như: kiểm toán, nhân sự, tiền lương, thưởng.

4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy quyền, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể được điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên tiểu ban nhưng (i) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban và (ii) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

5. Các hành động thực thi Quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban có thể có sai sót.

Điều 34. Người phụ trách quản trị nội bộ, Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm là Thư ký Công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật và không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty

- a) Hỗ trợ/ tư vấn tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

- e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f) Tham gia các cuộc họp;
- g) Tư vấn về thủ tục họp, tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- h) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên;
- i) Bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc phối hợp hoạt động theo tinh thần phát huy tốt nhất trách nhiệm cá nhân, bảo đảm tính thống nhất trong quản lý và điều hành Công ty, đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ lẫn nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Quy định phối hợp làm việc giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc thực hiện theo Quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và nguyên tắc phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty.

CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 35. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc có thể được thực hiện theo một số hoặc một số cách thức sau:
 - a) Tự nhận xét đánh giá;
 - b) Đánh giá hoạt động định kỳ 06 (sáu) tháng;
 - c) Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
 - d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
 - e) Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
2. Hội đồng quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Ban Kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các

chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm;

4. Ban Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do Ban Giám đốc bổ nhiệm.

Điều 36. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

- a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
- b) Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ, chủ trương, chính sách của Công ty và quy định của pháp luật;
- c) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tinh trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
- d) Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;
- e) Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tin nhiệm với nhân viên.

Điều 37. Xếp loại đánh giá cán bộ

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc theo quy định nội bộ của Công ty trong từng thời kỳ.
2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của Công ty.

Điều 38. Khen thưởng

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc có thành tích trong việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và Công ty.
2. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế khen thưởng, kỷ luật của Công ty trong từng thời kỳ.

Điều 39. Kỷ luật

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định khác có liên quan của Công ty thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc của Công ty.
2. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty có hiệu lực

trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa Công ty với chính thành viên Hội đồng quản trị/ thành viên Ban Kiểm soát/ thành viên Ban Giám đốc hoặc với những người có liên quan của những thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban giám đốc, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho bù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban giám đốc, cán bộ quản lý và các đối tượng có liên quan đến đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty để tiết lộ cho người khác, hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung, sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 42. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm: ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

- a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;
- b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.
- c) Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Công ty.

CHƯƠNG IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 43. Sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn